

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**  
**Tên Công ty/Name of Company: Công ty Cổ Phần Xây Lấp III - Petrolimex**  
**Năm báo cáo/Year 2017**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*: CÔNG TY CP XÂY LẤP III PETROLIMEX
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0302536580
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 50.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 50.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ/*Address*: 232 Nguyễn Tất Thành P13, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/*Telephone*: 028 39404602
- Số fax/*Fax*: 028 39404606
- Website: [www.penjico.petrolimex.com.vn](http://www.penjico.petrolimex.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: PEN

**Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

**- Thành lập:**

Năm 1977 Bộ Vật Tư thành lập Công Ty Xây Lấp III là một doanh nghiệp Nhà nước với chức năng nhiệm vụ duy tu sửa chữa các công trình xăng dầu tiếp quản của chế độ cũ và xây mới các công trình kho xăng dầu, cầu cảng thuộc ngành xăng dầu cho các tỉnh từ Quảng Bình cho đến Cà Mau.

Ngày 01/01/2002 Công Ty Xây Lấp III chính thức chuyển sang Công Ty Cổ Phần theo Quyết định số 0721/QĐ-BTM ngày 08/06/1999 và Quyết định số 1239/2001/QĐ-

BTM ngày 14/11/2001 của Bộ Thương Mại với tên gọi mới là Công Ty Cổ Phần Xây lắp III Petrolimex. Vốn điều lệ là 4,2 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 30%. Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4103000817 ngày 31/01/2002, số đăng ký kinh doanh mới 0302536580 cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 13/10/2014. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng.

**- Niêm yết:**

Công ty đã niêm yết cổ phiếu công ty CP Xây Lắp III Petrolimex trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PEN từ ngày 30/06/2014 và chính thức giao dịch từ ngày 25/9/2014.

- Các sự kiện khác/*Other events* Tổ chức Bureau Veritas certification cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 về bồn bể và hệ thống đường ống xăng dầu vào ngày 01/10/2007. Được tái chứng nhận lần 1 hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào ngày 29/09/2010. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 20/09/2013 và có hiệu lực đến 19/09/2016.

Được chứng nhận lần 1 hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 Được chứng nhận lần 1 vào ngày 16/09/2016 và có hiệu lực đến 14/09/2017. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 15/09/2017 và có hiệu lực đến 19/09/2019 Điều này thể hiện sự vững mạnh và tính chuyên nghiệp ngày càng cao của Công ty.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:***

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu; xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu; lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy; sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng; vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng; xử lý nền móng công trình; xây dựng công trình bờ kè, bến cảng; kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;

Trong năm 2017 doanh thu chính của Công ty từ hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ, cho thuê nhà xưởng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Về mặt địa lý, Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex chủ yếu kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam như Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau.

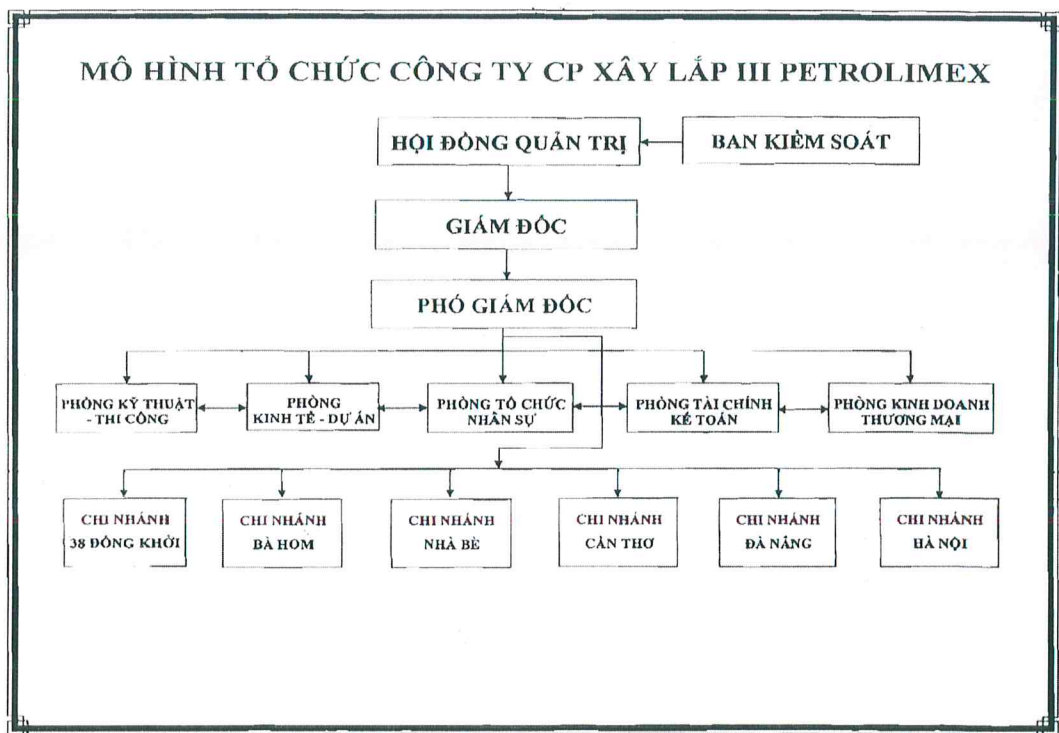


### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

Từ năm 2002 Công ty chuyển sang mô hình hoạt động Công ty Cổ phần. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đứng thứ hai là Hội đồng quản trị, đây là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Công ty có một Giám đốc, hai phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Đồng thời Công ty có một Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nhằm thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production*

and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).

Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long

Địa chỉ: 232 Nguyễn Tất Thành phường 13 quận 4 TPHCM.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Điện sản xuất và bán buôn đồ điện.

Vốn điều lệ 900.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của công ty là 44% (400 triệu).

#### **4. Định hướng phát triển/ Development orientations**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

+ Định hướng phát triển của công ty là xây dựng công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu.

+ Hoàn thiện mô hình tổ chức và đào tạo đội ngũ nhân lực theo tiêu chuẩn ASME đủ khả năng nhận thầu các công trình thuộc dạng PC hoặc EPC, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

+ Đầu tư nhà máy cơ khí tại Nhà Bè để phục vụ công tác chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí theo quy trình khép kín đảm bảo tiến độ thi công không phụ thuộc vào địa bàn công trình, thời tiết.

+ Công ty sẽ hợp tác với các đơn vị trong ngành cũng như nước ngoài cùng tham gia đấu thầu các công trình quốc tế, nhằm xây dựng thương hiệu trên thị trường và tăng thêm doanh thu cho Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ.

+ Công đoàn cơ sở công ty CP Xây Lắp III Petrolimex trực thuộc Công đoàn Xăng Dầu Việt Nam, hưởng ứng đóng góp, tích cực tham gia các hoạt động xã hội do Công Đoàn Xăng Dầu Việt Nam phát động.

**5. Các rủi ro/ Risks:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

Với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã đưa ra nhiều giải pháp để thực hiện mục tiêu đề ra và đạt kết quả như sau:

**Bảng kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017**

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2017 (tỷ đồng)	Thực hiện 2017 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành năm
1	Sản lượng	280	237,774	85%
2	Doanh thu	234	259,604	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	7,810	303	3,88%
4	Đầu tư	43,122	4,381	10%

Nguyên nhân: Lợi nhuận trước thuế năm 2017 giảm sâu so với năm 2016 chủ yếu do chi phí tài chính và giá vốn tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái.

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

### - Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

ST T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỖ Ở HIỆN NAY	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của công ty
1	Nguyễn Sum	1972	30/31/24/16 Lâm Văn Bền P. Tân Kiên Q.7 TPHCM	Giám đốc	0.37%
2	Nguyễn Ngọc Thanh	1969	30 Sầm Sơn Quận Tân Bình TPHCM	Phó Giám đốc	0%
3	Dương Minh Trí	1982	79/10 Huỳnh Tấn Phát P. Tân Thuận Đông Quận 7 TPHCM	Phó Giám đốc.	0.03%
4	Nguyễn Huy Nhân	1963	495/3, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, TPHCM	Phó Giám đốc. Miễn nhiệm ngày 31/07/17	0.13%
5	Nguyễn Thị Vân	1966	266/2A Bùi Đình Túy Phường 24 Quận Bình Thạnh TPHCM	Kế toán trưởng. Miễn nhiệm ngày 31/07/17	0.1%
6	Hoàng Trần Như Quỳnh	1984	136/64Trần Quang Diệu, P6, Q3, TP.HCM	Kế toán trưởng. Bổ nhiệm ngày 01/08/2017	0.55%

### - Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management:

- HĐQT đã miễn nhiệm ông Nguyễn Huy Nhân -Phó Giám Đốc Công ty từ ngày 31/07/2017 để chuyển sang làm thành viên hội đồng quản trị chuyên trách.
- HĐQT đã miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Vân- Kế Toán Trưởng Công ty từ ngày 01/08/2017.
- HĐQT đã bổ nhiệm Bà Hoàng Trần Như Quỳnh giữ chức vụ Kế Toán Trưởng Công ty từ ngày 01/08/2017.

- Số lượng cán bộ, nhân viên./Number of staffs.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2017 là 174 người.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn 24/24, ăn ca, xăng xe, lương, thưởng.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Giá trị đầu tư thực hiện là 4,381 tỷ đồng đạt 10% kế hoạch. Công tác đầu tư chủ yếu trong năm 2017 tập trung vào trang bị đầu tư máy móc, thiết bị tại Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè; Chi nhánh Nhà Bè và Chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Hà Nội.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long kinh doanh không hiệu quả, mất khả năng thanh toán và đã ngừng hoạt động.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long với số tiền là 400.000.000 đồng.

### 4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	322.008.596.677	332.461.000.079	3,25%
Doanh thu thuần	237.413.662.560	259.604.251.442	9,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-18.060.431.841	-5.920.856.523	67,22%
Lợi nhuận khác	27.198.019.749	6.224.310.619	-77,11%
Lợi nhuận trước thuế	9.137.587.908	303.454.096	-96,68%

Lợi nhuận sau thuế	7.212.386.594	115.960.811	-98,38%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.442		

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>(Short term Asset/Short term debt)</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i></p>	1.26	1.25	
	0.94	1.1	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0.73	0.76	
	2.78	3.21	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản <i>(Net revenue/ Total Assets)</i></p>	3.14	6.98	
	0.73	0.78	

025  
ÔNG  
CỔP  
Y L  
TROI  
T.P.T

4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	3.04%	0.04%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	8.56%	0.15%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	2.24%	0.03%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )			
.....			

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.**

a) **Cổ phần/Shares:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số 5.000.000 cổ phần của Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex đang lưu hành đều là cổ phiếu phổ thông, và thuộc loại cổ phần chuyển nhượng tự do không có số lượng chuyển nhượng hạn chế theo quy định của pháp luật .

b) **Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders.*



<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng CP sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Cổ đông tổ chức	1.954.090	39
Cổ đông cá nhân	3.045.910	61
<b>Tổng Cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông trong nước	5.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. *Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so với KH	% so với 2016
- Sản lượng	Tr đồng	280.000	237.774	85	112
Trong đó : Xây lắp		230.000	203.749	89	71
- Doanh thu thuần	Tr đồng	234.000	259.604	111	109
- Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.810	303	3.88	3.32
- Lợi nhuận sau thuế	%	7.256	116	1.6	1.6
- Chi trả cổ tức dự kiến	%	10			

- Giá trị tổng sản lượng 237.774 Trđ đạt 85% KH, đạt 112 % so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu 259.604 Trđ đạt 113% KH đạt 111 % KH, đạt 97 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu xây lắp 215.583 Trđ, doanh thu dịch vụ và thương mại: 44,021 Trđ .

- Lợi nhuận trước thuế: 303 Trđ đạt 3,88% KH giảm 96,68% so với cùng kỳ.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty không đạt kế hoạch, lỗ 5.920 Trđ do lãi gộp chỉ đạt 12.702 Trđ bằng 4,89% doanh thu trong khi chi phí quản lý phân bổ 12.629 Trđ và lãi vay 7.193 Trđ. Trích lập dự phòng bảo hành là 431 Trđ. Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi 10.386 Trđ. Lỗ chi phí tại Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè 4.889 Trđ

do không khai thác được hết năng lực thiết bị hiện có của nhà máy vì chưa tìm kiếm được đủ nguồn việc, chưa có sản phẩm chủ lực. Lỗ chi phí đội xe máy 3.211 Trđ do phần lớn thiết bị được đầu tư từ khi thi công công trình Vân Phong mang tính phục vụ chuyên ngành xây lắp xăng dầu, không phù hợp với yêu cầu xã hội nhưng vẫn phải khấu hao nên phát sinh lỗ.

- Hoạt động thương mại và dịch vụ mang lại lợi nhuận tại Văn phòng Cty là 523 Trđ, tại CN Nhà Bè là 117 trđ, CN Cần Thơ 109 Trđ, tại CN Hà Nội là 246 Trđ.

- Hoạt động tài chính: Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng lãi 650 Trđ và một số khoản cổ tức khác do đầu tư chứng khoán ngắn hạn và khoản khác 24 Trđ.

- Thu nhập khác lãi 6.224 Trđ chủ yếu từ nguồn hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình. Trong năm cũng phát sinh khoản tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất Nhà Bè 271 Trđ và chênh lệch tiền thuê đất Nhà Bè 232 Trđ, tiền bảo hành công trình Vân Phong 328 Trđ.

- Ngân hàng PGBank vẫn chưa có kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2017 vì vậy cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả lợi nhuận năm 2017.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

## 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

**ĐVT: Đồng**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>I- Tài sản ngắn hạn</b>	<b>283.333.206.422</b>	<b>295.647.404.523</b>
1- Tiền và các khoản tương đương	13.913.359.261	33.695.888.001
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn	59.045.817.100	59.130.181.200
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	136.187.364.186	166.908.778.594
4- Hàng tồn kho	72.817.231.695	35.346.290.289
5- Các tài sản ngắn hạn khác	1.369.434.180	566.266.439
<b>II- Tài sản dài hạn</b>	<b>38.675.390.255</b>	<b>36.813.595.556</b>



1- Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
2- Tài sản cố định	35.968.658.712	33.477.215.203
3- Bất động sản đầu tư	93.297.942	76.487.502
4- Tài sản dở dang dài hạn	468.867.037	1.604.980.326
5- Các khoản đầu tư tài chính dài	0	650.000.000
6- Tài sản dài hạn khác	2.781.025.824	1.953.433.601
<b>Tổng tài sản</b>	<b>332.461.000.079</b>	<b>322.008.596.677</b>

Tổng tài sản và nguồn vốn 332.461 Trđ tăng 3% so cùng kỳ tương ứng 10.453 Trđ, cụ thể: Tài sản ngắn hạn 295.647 Trđ chiếm 89%, Tài sản dài hạn 36.814 Trđ chiếm 11%.

### b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>I – Nợ phải trả</b>	<b>236.937.547.671</b>	<b>253.622.089.250</b>
1 – Nợ ngắn hạn	223.590.544.901	234.755.948.612
2 – Nợ dài hạn	13.347.002.770	18.866.140.638
<b>II – Vốn chủ sở hữu</b>	<b>85.071.049.006</b>	<b>78.838.910.829</b>
1 – Vốn chủ sở hữu	85.071.049.006	78.838.910.829
2 – Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>322.008.596.677</b>	<b>332.461.000.079</b>

Nợ phải trả 253.622Trđ. Trong đó:

+ Các khoản vay 112.943 Trđ trong đó: vay ngắn hạn 94.077 Trđ, vay dài hạn 18.866 Trđ. Gồm có :

Nợ vay của ngân hàng 98.393 Trđ tăng 29.649 Trđ so cùng kỳ.

Nợ vay của cá nhân 14.550 Trđ tăng 5.356 trđ so cùng kỳ.

030  
CC  
CỔ  
ẢY I  
ETR  
TP

Nợ phải trả 253.622 Trđ chiếm 76%, Vốn chủ sở hữu 78.839Trđ chiếm 24%, khả năng tự tài trợ vốn 24 %, hệ số thanh toán ngắn hạn 1,26 lần, hệ số thanh toán nhanh 1,1 lần. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu 0,15% giảm 8,33%.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.**

- Không ngừng rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty. Song song với việc quản lý theo quy chế, Công ty thường xuyên chú trọng củng cố hệ thống nghiệp vụ từ các phòng ban đến các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn và giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc trích lập dự phòng và xử lý tổn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính: Công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp .

- Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới toàn thể CBCNV nắm vững và chấp hành nghiêm các văn bản, chỉ thị của Nhà nước, Chính phủ, Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam.

- Đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty vào ngày 15/04/2017. Các nội dung thông qua Đại hội được các cổ đông biểu quyết với tỷ lệ cao.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future**

**4.1 Kế hoạch tài chính chủ yếu:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	260
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,810
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10

**4.2 Kế hoạch đầu tư:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	42.078
+	Đầu tư và mua sắm Máy móc thiết bị dụng cụ	Tỷ đồng	5.226



+	Cơ sở vật chất	Tỷ đồng	13,830
+	Đào tạo nguồn nhân lực	Tỷ đồng	1.022
+	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	22,000
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>42.078</b>
+	Vốn Vay/ khác	Tỷ đồng	42.078

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.**

- Ngay từ đầu năm công ty đã cố gắng tìm kiếm các nguồn công việc, các dự án mới để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên đến tận quý III năm 2017 công ty mới ký kết được một số hợp đồng; đồng thời nguồn công việc chuyển từ năm 2016 sang không nhiều làm cho giá trị sản lượng thực hiện năm 2017 không đạt so với kế hoạch đề ra, giá trị sản lượng chỉ đạt 85% kế hoạch đề ra.
- Hiện nay, công ty vẫn chưa thể vốn hóa được số lượng cổ phần của Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex mà công ty hiện đang nắm giữ thành nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD. Do đó nguồn vốn hoạt động của công ty hoàn toàn lệ thuộc vào nguồn vốn tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn của ngân hàng. Đây cũng là một trong nhiều yếu tố góp phần làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.

- Công ty tiếp tục đầu tư 5,680 tỷ đồng vào việc trang bị thêm máy móc thiết bị tại nhà máy gia công cơ khí tại Nhà Bè và chi nhánh Nhà Bè: bước đầu Nhà máy đã thực hiện gia công chế tạo bán thành phẩm phục vụ lắp dựng cho các công trình trong và ngoài nước, gia công kết cấu cho khách hàng Nhật Bản, chế tạo xe bồn và một số sản phẩm cố định khác. Tuy nhiên hiệu quả từ mảng công việc này chưa thực sự như mong đợi do doanh thu còn thấp, nguồn việc tại nhà máy chưa đủ đáp ứng công suất máy móc thiết bị hiện có. Chi phí khấu hao lớn dẫn đến kết quả kinh doanh tại Nhà Máy Cơ Khí bị lỗ.

## ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance.***

Trong năm vừa qua HĐQT cùng với Ban Giám Đốc đã tiến hành 08 buổi họp chung nhằm đánh giá nhận xét, phân tích, dự báo tình hình SXKD của công ty trong năm 2017. Đưa ra các giải pháp để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn. Ban Giám đốc luôn thể hiện vai trò tham mưu của mình, đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh chưa đạt như kế hoạch đề ra.

## ***3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors***

Với những kết quả kinh doanh không được tốt trong năm 2017, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc tiếp tục thực hiện các công việc:

- Phối hợp cùng Giám đốc công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh được tốt hơn.
- Chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với mục tiêu trở thành đơn vị xây lắp chủ lực. Cùng Ban Giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài của Công ty phù hợp với sự thay đổi của thị trường.
- Tiếp tục bảo toàn, khai thác và phát triển nguồn vốn của công ty một cách hiệu quả và an toàn nhất, không để xảy ra nợ xấu, khó đòi. Tập trung thu hồi công nợ, thu hồi các khoản tài chính đã đầu tư vào các đơn vị bên ngoài, thanh lý thu hồi vốn những tài sản không mang lại hiệu quả, kết hợp với Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam thoái vốn đầu tư tại ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex, chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn cho việc đầu tư vào một số dự án kho cảng xăng dầu, hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, xây dựng nhà xưởng tại các khu công nghiệp để cho thuê. Đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh và đủ để phục vụ cho việc SXKD và đầu tư vào các dự án.
- Đẩy mạnh hoạt động tại Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè, tích cực tăng cường công tác tìm kiếm nguồn việc mới, hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng các hợp đồng đã ký với đối tác.



- Tăng cường hỗ trợ mở rộng hoạt động thương mại, tìm kiếm thêm công việc để tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- Tuyển dụng các vị trí nhân sự có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như trình độ ngoại ngữ cao để có thể thực hiện được các công trình theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Quản lý công việc theo KPI để đánh giá hiệu quả, năng lực nhân sự một cách phù hợp, khuyến khích phát huy tối đa trách nhiệm của từng nhân sự đạt hiệu quả năng suất lao động cao nhất. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện nghiêm túc các đường lối, chính sách và các quy định của pháp luật. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

**1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

STT	Họ và tên	Chức danh	Điều hành/ Độc lập /Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	3,81%
2	Nguyễn Sum	Thành viên kiêm Giám đốc	Điều hành	0,37%
3	Nguyễn Huy Nhân	Thành viên	Không điều hành	0,13%
4	Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	Độc lập	4,29%
5	Vũ Lộc	Thành viên	Độc lập	4,79%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động

253  
 NG  
 PH  
 LẬP  
 OLIM  
 HỒ C



của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

HĐQT đã tổ chức được 07 phiên họp và 03 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản. Ban hành 10 nghị quyết và 12 quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được thực hiện theo đúng quy chế quản trị công ty. Tại các cuộc họp đã thông qua các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, vay vốn tại Ngân Hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, vay vốn tại ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex chi nhánh Sài Gòn với hạn mức 237 tỷ, về việc chuyển nhượng phần góp vốn tại công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng, các quyết định về tổ chức cán bộ, sắp xếp bố trí nhân sự.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

Hội đồng quản trị Công ty CP Xây Lấp III Petrolimex có 02 thành viên độc lập là Ông Nguyễn Hồng Kỳ, Ông Vũ Lộc. Trong năm 2017, các thành viên HĐQT độc lập đã nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời cùng với HĐQT chỉ đạo Ban điều hành đưa ra những chiến lược phát triển phù hợp với đặc điểm tình hình biến động của thị trường, nắm chắc các cơ hội kinh doanh để tạo doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

## **2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	0,1%	
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	4,98%	
3	Đình Minh Thắng	Thành viên	1,85%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Giám sát công tác tổ chức/kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Tham dự và cử đại diện tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp sơ kết, tổng kết của công ty để giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tiếp nhận, giải thích các ý kiến thắc mắc, đóng góp của cổ đông thuộc phạm vi của Ban kiểm soát và phản hồi đến HĐQT xem xét giải quyết các vấn đề có liên quan.

- Tham gia trực tiếp vào các đợt kiểm tra của Công ty tại các Chi nhánh để giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc, các Chi nhánh, và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng, năm tại văn phòng Cty, tập trung rà soát công nợ, quản trị hiệu quả kinh doanh theo từng loại hình kinh doanh, trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Định kỳ gửi báo cáo kiểm soát đến HĐQT, Ban điều hành và có những nhận xét kiến nghị kịp thời.

- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Định kỳ 6 tháng/năm lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

ĐVT: đồng

STT	CHỨC DANH	THÙ LAO HĐQT	TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, THƯỞNG	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ
	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>	<b>140,964,000</b>	<b>856,983,896</b>	<b>997,947,896</b>
1	Chủ tịch		527,701,170	527,701,170
2	Thành viên chuyên trách	34,228,000	329,282,726	363,510,726
2	Thành viên độc lập	53,368,000		53,368,000
3	Thành viên độc lập	53,368,000		53,368,000
	<b>Ban Kiểm Soát</b>	<b>54,714,200</b>	<b>395,972,059</b>	<b>450,686,259</b>
1	Trưởng ban kiểm soát	1,125,000	214,215,030	215,340,030
2	Thành viên chuyên trách	15,175,600	181,757,029	196,932,629
3	Thành viên độc lập	38,413,600		38,413,600
	<b>Ban điều hành</b>	<b>62,488,000</b>	<b>1,273,354,527</b>	<b>1,335,842,527</b>
1	Giám đốc- TVHĐQT	53,368,000	452,539,670	505,907,670
2	Phó giám đốc		346,150,950	346,150,950
3	Phó giám đốc		298,569,670	298,569,670
4	Kế toán trưởng	9,120,000	176,094,237	185,214,237
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>258,166,200</b>	<b>2,526,310,482</b>	<b>2,784,476,682</b>

30  
CỔ  
CỔ  
Y LA  
HOL  
PHỐ

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders:** (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

**Giao dịch với Công ty CP Khí Thiên Nhiên Hóa Lỏng PETNOR LNG**

Thực hiện hợp đồng 36/XL3-HĐ ngày 16/03/2017 mua bán van các loại với giá trị 634.260.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng 48/XL3-HĐ ngày 12/05/2017 mua bán thiết bị với giá trị 4.639.492.431 đồng.

Thực hiện hợp đồng 11/2017- CN Đà Nẵng ngày 01/11/2017 mua bán van các loại với giá trị 140.525.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng 107/XL3-HĐ ngày 28/12/2017 mua bán thép tấm với giá trị 9.100.214.077 đồng.

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance:** (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Công ty đã ban hành quy chế quản trị Công ty và tuân thủ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements**

**1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

Theo ý kiến của Công ty TNHH Dịch Vụ tư vấn tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các

37  
ẤN  
T  
EX  
M

quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đính kèm trong báo cáo này.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

030  
TRÁC  
DỊCH  
TÀI C  
VÀ  
VI-

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký bổ sung.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INSTALLATION No.III JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PENJICO.

Trụ sở của Công ty tại: số 232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu. Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV. Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường. Xây dựng công trình bờ kè, bến cảng. Xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu. Xây lắp các công trình dầu khí. Xây dựng các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, các bồn chứa dầu thực vật. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh. Xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: công trình thủy lợi, công trình lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi. Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng. Xây dựng nhà máy điện, trạm phát điện, lưới điện.
- Bán buôn đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar; quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ; hàng bia; quán bia)
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất dây điện và cáp điện (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện kim đúc tại trụ sở);
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng. Lắp đặt thiết bị nhà máy nước sinh hoạt và nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở);
- Xử lý nền móng công trình;
- Mua bán xe ô tô, xe chuyên dùng;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc;
- Mua bán máy móc, thiết bị xây dựng công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu. Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Cho thuê văn phòng, nhà ở. Quản lý tòa nhà;



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết kế đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình. Quản lý dự án công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn thuốc lá;
- Bán buôn thiết bị phục vụ cho các công trình điện hạ thế và chiếu sáng công cộng. Bán buôn thiết bị phục vụ cho hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt khu dân cư;
- Bán lẻ thuốc lá trong nhà hàng
- Cải tạo xe chuyên dùng, sửa chữa xe bồn các loại, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất xe có động cơ, xe bồn;

### Danh sách các chi nhánh của Công ty:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	149 Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Chi nhánh tại Cần Thơ	522 Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh tại Đà Nẵng	81 Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh tại huyện Nhà Bè	16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty tại xưởng Cơ khí Bà Hom	356/5 Tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè	Kho B – Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, khu phố 7 – Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Vũ Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Sum	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Sum

Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Ông Dương Minh Trí

Ông Nguyễn Huy Nhân

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc (Đến ngày 01/08/2017)

### Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hồng Mai

Ông Đinh Minh Thắng

Bà Nguyễn Thị Phượng

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Sum  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2018

Số: 68-2/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được lập ngày 09/03/2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.M.  
QUY

**Vấn đề khác:**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo kiểm toán số 183/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 13/03/2017.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2837-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2018-152-1

335  
TRÁ  
DI  
ÀI  
V.  
/

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>295.647.404.523</b>	<b>283.333.206.422</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>33.695.888.001</b>	<b>13.913.359.261</b>
1. Tiền	111		22.095.888.001	3.613.359.261
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.600.000.000	10.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.2	<b>59.130.181.200</b>	<b>59.045.817.100</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		59.558.985.400	59.558.985.400
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(428.804.200)	(513.168.300)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>166.908.778.594</b>	<b>136.187.364.186</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92.501.179.581	73.470.679.356
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.119.541.563	7.439.721.164
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	71.674.211.370	72.818.442.340
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.386.153.920)	(17.541.478.674)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.7	<b>35.346.290.289</b>	<b>72.817.231.695</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.346.290.289	72.817.231.695
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>566.266.439</b>	<b>1.369.434.180</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	322.584.148	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	920.494.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	243.682.291	448.939.885
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>36.813.595.556</b>	<b>38.675.390.255</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	10.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>33.477.215.203</b>	<b>34.363.678.386</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.418.425.703	34.356.133.938
- Nguyên giá	222		79.817.894.000	74.618.335.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.399.468.297)	(40.262.201.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	58.789.500	7.544.448
- Nguyên giá	228		1.093.654.049	612.376.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.034.864.549)	(604.831.601)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230	V.11	<b>76.487.502</b>	<b>93.297.942</b>
- Nguyên giá	231		252.156.600	252.156.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(175.669.098)	(158.858.658)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>468.867.037</b>	<b>1.604.980.326</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	468.867.037	1.604.980.326
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.2	-	<b>650.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		400.000.000	400.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	650.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(400.000.000)	(400.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>2.781.025.814</b>	<b>1.953.433.601</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.562.608.995	1.953.433.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		218.416.819	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>332.461.000.079</b>	<b>322.008.596.677</b>

213  
 ÔNG  
 NHÌ  
 VỤ  
 NH  
 IEM  
 LM V  
 P. F

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>253.622.089.250</b>	<b>236.937.547.671</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>234.755.948.612</b>	<b>223.590.544.901</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25.307.277.499	22.095.664.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	94.501.675.459	108.278.052.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.685.606.671	822.076.377
4. Phải trả người lao động	314		2.481.610.410	4.158.052.014
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.092.084.097	2.851.042.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.209.924.392	7.877.601.812
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	94.077.203.140	64.591.589.258
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	431.051.143	7.942.776.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.969.515.801	4.973.689.232
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.866.140.638</b>	<b>13.347.002.770</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	18.866.140.638	13.347.002.770
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78.838.910.829</b>	<b>85.071.049.006</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>78.838.910.829</b>	<b>85.071.049.006</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.258.140.000	13.258.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.464.810.018	14.539.756.565
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.960.811	7.273.152.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	60.765.847
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		115.960.811	7.212.386.594
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>332.461.000.079</b>	<b>322.008.596.677</b>

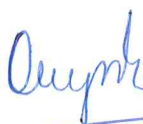
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Tuyền

Ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Sum

4-C  
T  
C  
H  
V  
Á  
I  
T  
O  
Á  
N  
C  
H

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>259.604.251.442</b>	<b>237.413.662.560</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.1	<b>259.604.251.442</b>	<b>237.413.662.560</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>246.901.514.742</b>	<b>227.462.045.875</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12.702.736.700</b>	<b>9.951.616.685</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.135.075.413	851.552.389
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.160.550.120	5.378.182.129
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.193.713.796	5.286.574.127
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	(31.042.130)	1.315.865.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.629.160.646	22.169.553.564
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(5.920.856.523)</b>	<b>(18.060.431.841)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.439.111.864	30.073.079.939
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.214.801.245	2.875.060.190
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>6.224.310.619</b>	<b>27.198.019.749</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>303.454.096</b>	<b>9.137.587.908</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	405.910.104	(448.939.885)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(218.416.819)	2.374.141.199
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>115.960.811</b>	<b>7.212.386.594</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.10	21	1.373

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Tuyền

Ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh



Nguyễn Sum

T.N.H.H  
H.M.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>303.454.096</b>	<b>9.137.587.908</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.585.264.898	6.419.608.298
- Các khoản dự phòng	03	(7.239.688.854)	5.029.680.215
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	73.048.503
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.101.893.155)	(8.478.595.701)
- Chi phí lãi vay	06	7.193.713.796	5.286.574.127
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>5.740.850.781</b>	<b>17.467.903.350</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.652.005.412)	26.621.506.085
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	37.470.941.406	(732.504.245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.320.254.740)	(61.302.874.600)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(931.759.542)	285.134.086
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.193.713.796)	(5.027.705.969)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(194.242.457)	(3.220.333.349)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(352.272.419)	(1.037.969.075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(6.432.456.179)</b>	<b>(26.946.843.717)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(4.567.822.986)	(5.056.239.087)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	10.599.697.444
3. Tiền chi cho vay	23	-	(12.398.860.568)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	13.796.213.968
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.300.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	473.838.155	787.919.495
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(2.793.984.831)</b>	<b>7.728.731.252</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	178.041.367.054	150.637.813.530
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(143.036.615.304)	(142.581.543.573)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.995.782.000)	(4.995.725.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>29.008.969.750</b>	<b>3.060.544.957</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>19.782.528.740</b>	<b>(16.157.567.508)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>13.913.359.261</b>	<b>30.143.963.698</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(73.036.929)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>33.695.888.001</b>	<b>13.913.359.261</b>

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Tuyền

Ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh



Nguyễn Sum



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký bổ sung.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INSTALLATION No.III JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PENJICO.

Trụ sở của Công ty tại: số 232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu. Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV. Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường. Xây dựng công trình bờ kè, bến cảng. Xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu. Xây lắp các công trình dầu khí. Xây dựng các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, các bồn chứa dầu thực vật. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh. Xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: công trình thủy lợi, công trình lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi. Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng. Xây dựng nhà máy điện, trạm phát điện, lưới điện.
- Bán buôn đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar; quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ; hàng bia; quán bia)
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất dây điện và cáp điện (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện kim đúc tại trụ sở);
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng. Lắp đặt thiết bị nhà máy nước sinh hoạt và nước thải công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở);
- Xử lý nền móng công trình;
- Mua bán xe ô tô, xe chuyên dùng;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc;
- Mua bán máy móc, thiết bị xây dựng công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu. Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;

030  
TRÁC  
DỊCH  
ÁI C  
VÀ  
7

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Cho thuê văn phòng, nhà ở. Quản lý tòa nhà;
- Thiết kế đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình. Quản lý dự án công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn thuốc lá;
- Bán buôn thiết bị phục vụ cho các công trình điện hạ thế và chiếu sáng công cộng. Bán buôn thiết bị phục vụ cho hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt khu dân cư;
- Bán lẻ thuốc lá trong nhà hàng
- Cài tạo xe chuyên dùng, sửa chữa xe bồn các loại, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất xe có động cơ, xe bồn.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

**Danh sách các chi nhánh của Công ty:**

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh tại Hà Nội	149 Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Chi nhánh tại Cần Thơ	522 Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh tại Đà Nẵng	81 Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh tại huyện Nhà Bè	16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty tại xưởng Cơ khí Bà Hom	356/5 Tinh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè	Kho B – Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, khu phố 7 – Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4-c  
T  
V  
T  
O  
Á  
N  
C  
H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
- Phần mềm máy tính	5 năm

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc 15 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo: Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành, khối lượng xây lắp được chủ đầu tư xác nhận, nghiệm thu làm căn cứ ghi nhận doanh thu trong năm.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
  - Chi phí đi vay vốn;
  - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TR  
D  
TÀI  
CHÍNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**18. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

213  
CÔNG  
NHỊP  
VỤ  
HÌNH  
KIỂM  
TAM V  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	336.287.991	343.715.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.759.600.010	3.269.643.853
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	11.600.000.000	10.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.695.888.001</b>	<b>13.913.359.261</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>59.130.181.200</b>	<b>59.045.817.100</b>
Chứng khoán kinh doanh	59.558.985.400	59.558.985.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(428.804.200)	(513.168.300)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>650.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	400.000.000	400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	650.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>59.130.181.200</b>	<b>59.695.817.100</b>

4-C  
Y  
C  
H  
A  
P  
V  
A  
N  
T  
O  
Á  
Đ  
A  
N  
T  
C  
H  
I



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\* ) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác bao gồm:  
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tên công ty	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>								
Công ty CP Đạm Phú Mỹ (DPM)	500	40.000.000	(29.250.000)	10.750.000	500	40.000.000	(28.800.000)	11.200.000
Công ty CP Khoan Dầu Khí (PVD)	3.182	222.930.000	(148.471.200)	74.458.800	3.182	222.930.000	(157.062.600)	65.867.400
Công ty CP Cơ Điện Lạnh (REE)	1.771	86.000.000	(12.503.500)	73.496.500	1.771	86.000.000	(42.256.300)	43.743.700
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	4.620	270.200.000	(137.144.000)	133.056.000	4.620	270.200.000	(179.648.000)	90.552.000
Ngân hàng Sacombank (STB)	905	20.548.000	(8.873.500)	11.674.500	905	20.548.000	(11.950.500)	8.597.500
Công ty CP Dầu thực vật Tường An (TAC)	850	59.000.000	(19.475.000)	39.525.000	850	59.000.000	(19.250.000)	39.750.000
Công ty CP Vận tải Xăng dầu (VIP)	2.289	81.800.000	(63.030.200)	18.769.800	2.289	81.800.000	(63.716.900)	18.083.100
Công ty CP Vinamilk (VNM)	3.499	88.650.000	-	729.891.400	3.499	88.650.000	-	88.650.000
Công ty CP Vitaco (VTO)	5.241	52.412.000	(6.291.200)	46.120.800	5.241	52.412.000	(10.484.000)	41.928.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương (CTX)	3.000	96.000.000	-	96.000.000	3.000	96.000.000	-	96.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex (PIT)	10.896	73.500.000	(3.765.600)	69.734.400	10.896	73.500.000	-	73.500.000
Công ty CP Xây dựng 41 (X41)	17.900	185.282.900	-	185.282.900	17.900	185.282.900	-	185.282.900
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGB)	5.681.570	58.282.662.500	-	58.282.662.500	5.681.570	58.282.662.500	-	58.282.662.500
<b>Tổng cộng</b>		<b>59.558.985.400</b>	<b>(428.804.200)</b>	<b>59.771.422.600</b>		<b>59.558.985.400</b>	<b>(513.168.300)</b>	<b>59.045.817.100</b>

b) Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	31/12/2017				01/01/2017				
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>									
Công ty TNHH Xây lắp Điện máy Thăng Long	400.000.000	(400.000.000)	-	-	400.000.000	(400.000.000)	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>									
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	-	-	-	650.000.000	-	-	650.000.000	650.000.000
	-	-	-	-	650.000.000	-	-	650.000.000	650.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>650.000.000</b>	<b>650.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp I Petrolimex	31.493.902.775	45.482.184.409
Công ty TNHH MTV Công Nghệ Tàu Thủy Cái Lân	2.460.007.505	2.460.007.505
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	3.119.392.841	3.119.392.841
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực 2	2.317.004.326	-
Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP Cao Lãnh	2.243.542.000	-
Công ty CP Khí Thiên nhiên Hóa lỏng Pet-Norling	9.100.214.077	-
Công ty TNHH XD Công trình Thủy Hồng Phúc	6.504.540.550	611.469.718
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	2.840.633.749	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư DKC Hòn La	2.961.077.220	-
Công ty Cổ phần Kính Nội Chu Lai - CFG	7.997.987.085	-
Công ty TNHH Hóa Chất Petrolimex	1.981.633.600	-
Công ty Cổ phần Thiên Minh Đức	2.317.876.403	-
Phải thu khách hàng khác	17.163.367.450	21.797.624.883
<b>Cộng</b>	<b>92.501.179.581</b>	<b>73.470.679.356</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2 TNHH MTV	2.317.004.326	-
Công ty Cổ phần Xây lắp I Petrolimex	31.493.902.775	45.482.184.409
Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	236.280.000	-
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	25.000.000	25.000.000
Công ty LD TNHH Kho XDNQ Vân Phong	323.803.000	-
Tổng kho Xăng Dầu Nhà Bè	475.206.351	-
Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Tây Nam Bộ	465.956.972	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	2.840.633.749	-

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Tự động hóa và Hệ thống Điều khiển Tích Hợp	1.871.760.329	493.589.118
Công ty TNHH Đầu Tư Minh Phú	1.762.530.000	1.374.518.442
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Việt Đan	1.472.539.530	-
Các nhà cung cấp khác	8.012.711.704	5.571.613.604
<b>Cộng</b>	<b>13.119.541.563</b>	<b>7.439.721.164</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>71.674.211.370</b>	<b>72.818.442.340</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.963.000.000	64.963.000.000
Tạm ứng	5.736.435.720	6.789.981.067
Phải thu khác	974.775.650	1.065.461.273
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.684.211.370</b>	<b>72.828.442.340</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Đơn vị tính : VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH MTV CN Tàu thủy Cái Lân	2.460.007.505	(2.460.007.505)	2.460.007.505	(2.460.007.505)
Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu	3.119.392.841	(3.119.392.841)	3.119.392.841	(3.119.392.841)
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	31.493.902.775	(2.400.777.483)	45.482.184.409	(9.400.777.483)
Các đối tượng khác	4.552.888.689	(2.405.976.091)	4.552.888.689	(2.561.300.845)
<b>Cộng</b>	<b>41.626.191.810</b>	<b>(10.386.153.920)</b>	<b>55.614.473.444</b>	<b>(17.541.478.674)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.313.340.445	-	14.714.561.283	-
Công cụ, dụng cụ	278.390.545	-	249.144.164	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.110.567.458	-	55.846.998.253	-
Thành phẩm	198.916.394	-	-	-
Hàng hoá	2.445.075.447	-	2.006.527.995	-
<b>Cộng</b>	<b>35.346.290.289</b>	<b>-</b>	<b>72.817.231.695</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>322.584.148</b>	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	322.584.148	-
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.562.608.995</b>	<b>1.953.433.601</b>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	84.241.738	3.223.365
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.196.971.123	1.870.915.208
Chi phí trả trước dài hạn khác	281.396.134	79.295.028
<b>Cộng</b>	<b>2.885.193.143</b>	<b>1.953.433.601</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25.609.994.896	34.961.991.326	13.231.412.536	563.152.467	251.784.500	74.618.335.725
Số tăng trong năm	1.922.881.407	832.090.378	2.677.804.323	41.666.667	-	5.474.442.775
- Mua trong năm	-	621.972.545	2.677.804.323	-	-	3.299.776.868
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.922.881.407	-	-	-	-	1.922.881.407
- Tăng khác	-	210.117.833	-	41.666.667	-	251.784.500
Số giảm trong năm	-	23.100.000	-	-	251.784.500	274.884.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.100.000	-	-	-	23.100.000
- Giảm khác	-	-	-	-	251.784.500	251.784.500
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.532.876.303</b>	<b>35.770.981.704</b>	<b>15.909.216.859</b>	<b>604.819.134</b>	<b>-</b>	<b>79.817.894.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.291.620.700	22.886.880.374	10.633.807.724	408.134.110	41.758.879	40.262.201.787
Số tăng trong năm	1.554.015.570	3.309.830.404	1.234.884.174	161.220.580	-	6.259.950.728
- Khấu hao trong năm	1.554.015.570	3.309.738.192	1.234.884.174	39.783.574	-	6.138.421.510
- Tăng khác	-	92.212	-	121.437.006	-	121.529.218
Số giảm trong năm	-	1.155.000	79.770.339	-	41.758.879	122.684.218
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.155.000	-	-	-	1.155.000
- Giảm khác	-	-	79.770.339	-	41.758.879	121.529.218
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.845.636.270</b>	<b>26.195.555.778</b>	<b>11.788.921.559</b>	<b>569.354.690</b>	<b>-</b>	<b>46.399.468.297</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	19.318.374.196	12.075.110.952	2.597.604.812	155.018.357	210.025.621	34.356.133.938
Tại ngày cuối năm	<b>19.687.240.033</b>	<b>9.575.425.926</b>	<b>4.120.295.300</b>	<b>35.464.444</b>	<b>-</b>	<b>33.418.425.703</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là: 2.487.310.830 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 2.636.549.484 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 11.719.329.077 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 7.887.491.497 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Bảng phát minh sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	440.000.000	172.376.049	612.376.049
Mua trong năm	64.134.000	417.144.000	481.278.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>504.134.000</b>	<b>589.520.049</b>	<b>1.093.654.049</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	440.000.000	164.831.601	604.831.601
Khấu hao trong năm	5.344.500	424.688.448	430.032.948
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>445.344.500</b>	<b>589.520.049</b>	<b>1.034.864.549</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	7.544.448	7.544.448
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>58.789.500</b>	<b>-</b>	<b>58.789.500</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	252.156.600
Số tăng trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>252.156.600</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	158.858.658
Khấu hao trong năm	16.810.440
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.669.098</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	93.297.942
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>76.487.502</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình xưởng cơ khí Nhà bè giai đoạn 2	468.867.037	1.604.980.326
<b>Cộng</b>	<b>468.867.037</b>	<b>1.604.980.326</b>

34. TY HƯU ƯU Ế T TOÁ Ệ T 5C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Lilama 18	3.000.000.000	5.600.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Hòa Hiệp	700.000.000	2.470.460.060
Công ty CP Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	1.321.536.139	1.666.300.809
Phải trả người bán khác	20.285.741.360	12.358.903.246
<b>Cộng</b>	<b>25.307.277.499</b>	<b>22.095.664.115</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	-	2.950.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	-	499.562.000
Công ty CP Kho cảng Xăng dầu Miền Nam	64.500.000.000	64.500.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	3.882.300.000	-
Người mua trả tiền trước khác	26.119.375.459	40.328.490.995
<b>Cộng</b>	<b>94.501.675.459</b>	<b>108.278.052.995</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	-	2.950.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Tây Nam Bộ	-	499.562.000
Công ty Xăng Dầu Tây Ninh	76.999.281	28.314.561
Tổng Công Ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP	-	2.346.982.871

**15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước**

Phải trả	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	726.818.851	37.586.259.360	35.431.598.151	2.881.480.060
Thuế giá trị gia tăng NK	-	878.872.316	878.872.316	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	227.560.475	227.560.475	-
Thuế TNDN	-	194.242.457	194.242.457	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.167.344	462.968.582	461.513.518	44.622.408
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	52.090.182	1.267.790.358	792.299.942	527.580.598
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	231.923.605	-	231.923.605
<b>Cộng</b>	<b>822.076.377</b>	<b>40.858.617.153</b>	<b>37.995.086.859</b>	<b>3.685.606.671</b>
Phải thu	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND			VND
Thuế TNDN	448.939.885	211.667.647	-	237.272.238
Các loại thuế khác	-	8.718.688	15.128.741	6.410.053
<b>Cộng</b>	<b>448.939.885</b>	<b>220.386.335</b>	<b>15.128.741</b>	<b>243.682.291</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	1.092.084.097	2.851.042.231
<b>Cộng</b>	<b>1.092.084.097</b>	<b>2.851.042.231</b>

**17. Phải trả khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>8.209.924.392</b>	<b>7.877.601.812</b>
Kinh phí công đoàn chưa nộp	871.759.508	709.663.864
Phải trả bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	40.733.193	71.217.398
Nhận ký quỹ ngắn hạn	749.175.000	780.888.000
Phải trả cô tức	4.218.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.544.038.691	6.315.832.550
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>8.209.924.392</b>	<b>7.877.601.812</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>64.591.589.258</b>	<b>161.276.708.991</b>	<b>131.791.095.109</b>	<b>94.077.203.140</b>
Ngân hàng BIDV (a)	63.491.589.258	37.926.471.820	97.310.272.006	4.107.789.072
Ngân hàng PG bank Sài Gòn (b)	-	120.750.237.171	32.380.823.103	88.369.414.068
Vay cá nhân (d)	1.100.000.000	2.600.000.000	2.100.000.000	1.600.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>13.347.002.770</b>	<b>16.764.658.063</b>	<b>11.245.520.195</b>	<b>18.866.140.638</b>
Ngân hàng PG bank Sài Gòn (c)	5.252.810.000	1.658.440.000	995.036.000	5.916.214.000
Vay cá nhân (d)	8.094.192.770	15.106.218.063	10.250.484.195	12.949.926.638
<b>Cộng</b>	<b>77.938.592.028</b>	<b>178.041.367.054</b>	<b>143.036.615.304</b>	<b>112.943.343.778</b>

- a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2040/2017/93011/HĐTD ngày 31/10/2017. Tổng hạn mức cấp tín dụng là 80 tỷ đồng. Thời hạn vay đến ngày 30/09/2018. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C các loại. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo bằng thế chấp cầm cố các tài sản sau: Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần ngân hàng CP TM Xăng dầu Petrolimex (5.500.00 cổ phần); 01 xe cầu cần trục bánh lốp hiệu Samsung SC25H biển số 50LA-0463; Xe tải gắn cầu hiệu Hyundai biển số 57K-8517; Xe ô tô 7 chỗ hiệu Isuze biển số 52X-6449; Văn phòng làm việc trên đất thuê tại số 16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP.HCH; Số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – CN Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 441.0118/2016/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 30/12/2016 với hạn mức cho vay 170 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh và hạn mức L/C nhập khẩu không quá 237 tỷ đồng. Thời hạn vay không quá 09 tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay là 7%/năm; khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0070/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 29/09/2016. Lãi suất đối với mỗi khoản vay là 8%/năm. Mục đích vay là đầu tư máy móc thiết bị dụng cụ thi công. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.. Tài sản đảm bảo vốn vay: tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc thiết bị và dụng cụ thi công thuộc sở hữu của bên vay.
- d) Vay cá nhân là các khoản vay CBCNV trong Công ty với lãi suất từ 6,3% /năm.

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	776.862.965
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	<u>431.051.143</u>	<u>7.165.913.902</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>431.051.143</u></b>	<b><u>7.942.776.867</u></b>

TRÁ  
DỰ  
TÀI C  
V  
2017



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	50.000.000.000	13.258.140.000	14.273.344.056	5.793.163.761	83.324.647.817
Lãi trong năm trước				7.212.386.594	7.212.386.594
Trích các quỹ năm 2015			266.412.509	(714.838.914)	(448.426.405)
Trả cổ tức năm 2015				(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giảm trong năm				(17.559.000)	(17.559.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>13.258.140.000</b>	<b>14.539.756.565</b>	<b>7.273.152.441</b>	<b>85.071.049.006</b>
Lãi trong năm nay				115.960.811	115.960.811
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016				(348.098.988)	(348.098.988)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2016			925.053.453	(925.053.453)	-
Chia cổ tức năm 2016				(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>13.258.140.000</b>	<b>15.464.810.018</b>	<b>115.960.811</b>	<b>78.838.910.829</b>

Đơn vị tính: VND

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016	%	01/01/2016	%
Vốn góp của nhà nước	15.000.000.000	30,00	15.000.000.000	30,00
Vốn góp của các đối tượng khác	35.000.000.000	70,00	35.000.000.000	70,00
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	(6.000.000.000)	(5.000.000.000)

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	5.000.000	5.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>259.604.251.442</b>	<b>237.413.662.560</b>
Doanh thu thuần bán hàng	32.722.505.291	59.242.868.878
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.356.550.721	7.689.750.360
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	219.525.195.430	170.481.043.322
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan:</b>		
Công ty xăng dầu KV1	568.827.273	-
Công ty xăng dầu Bình Định	1.447.090.275	574.658.816
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	3.064.817.933	3.388.478.367
Công ty xăng dầu KVII –TNHH MTV	4.197.904.091	2.126.279.032
Tổng kho Xăng Dầu Nhà Bè	3.368.486.963	275.321.818
Công ty Xăng dầu An Giang	1.198.181.818	-
Công ty xăng dầu Vĩnh Long	-	5.770.273.637
Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	15.110.800.138	8.981.314.872
Công ty xăng dầu Cà Mau	3.018.963.190	5.334.360.079
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	310.650.684	676.818.182
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	13.632.117.758	9.448.311.546
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	7.964.363.636	134.221.818
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	2.398.735.998	-
Công ty Cổ phần Xây lắp I Petrolimex	225.912.109	-
Công ty LD TNHH Kko XDNQ Vân Phong	1.469.519.690	311.638.800

CHIA VẤN TOÁN ÁN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.524.813.081	54.393.395.436
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.245.438.536	6.826.016.833
Giá vốn của hoạt động xây lắp	<u>212.131.263.125</u>	<u>166.242.633.606</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>246.901.514.742</u></b>	<b><u>227.462.045.875</u></b>

**Giá vốn hàng bán với các bên liên quan:**

Công ty xăng dầu KVI	520.239.601	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	1.342.205.704	490.183.970
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	2.902.052.571	3.020.098.032
Công ty xăng dầu KVII –TNHH MTV	4.014.858.406	2.247.859.022
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	3.198.250.998	272.062.164
Công ty xăng dầu An Giang	1.150.254.546	-
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	-	381.007.446
Công ty xăng dầu Vĩnh Long	7.499.048.032	5.294.787.409
Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	14.346.367.227	8.666.323.487
Công ty xăng dầu Cà Mau	2.547.227.377	5.247.301.207
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	301.589.258	723.204.900
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	13.546.078.562	8.972.901.002
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	7.419.335.198	121.113.788
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	2.278.799.198	-
Công ty Cổ phần Xây lắp I Petrolimex	410.047.000	-
Công ty LD TNHH Kko XDNQ Vân Phong	1.443.732.900	213.853.174

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	444.504.555	787.919.495
Lãi bán các khoản đầu tư	650.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.333.600	45.266.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.136.711	11.623.291
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>2.100.547</u>	<u>6.743.103</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.135.075.413</u></b>	<b><u>851.552.389</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	7.193.713.796	5.286.574.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.574.952	91.347.290
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(84.364.100)	260.712
Chi phí tài chính khác	<u>33.625.472</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.160.550.120</u></b>	<b><u>5.378.182.129</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	265.326.346	353.199.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	49.066.516
Dự phòng/hoàn nhập chi phí bảo hành sản phẩm	(776.862.965)	593.480.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	159.030.441
Chi phí bằng tiền khác	480.494.489	161.087.927
<b>Cộng</b>	<b>(31.042.130)</b>	<b>1.315.865.222</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	12.151.241.374	8.426.915.940
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	942.987.545	864.180.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.164.517.939	719.836.717
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.155.324.765)	6.134.485.457
Thuế phí, lệ phí	560.747.355	406.179.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.159.828.664	3.425.571.648
Chi phí bằng tiền khác	1.805.162.534	2.192.383.894
<b>Cộng</b>	<b>12.629.160.646</b>	<b>22.169.553.564</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	494.613.688
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây lắp	6.914.030.262	11.577.508.992
Thu nhập từ thanh lý tài sản cửa hàng Đồng Khởi	-	9.675.615.085
Giá trị hỗ trợ di dời đền bù thiệt hại chi nhánh 38 Đồng Khởi	-	5.484.332.810
Hoàn nhập quỹ lương	249.577.756	-
Thu nhập khác	275.503.846	2.841.009.364
<b>Cộng</b>	<b>7.439.111.864</b>	<b>30.073.079.939</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khác	1.214.801.245	2.875.060.190
<b>Cộng</b>	<b>1.214.801.245</b>	<b>2.875.060.190</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	303.454.096	9.137.587.908
Các khoản điều chỉnh tăng	1.755.430.024	533.685.161
Các khoản điều chỉnh giảm	29.333.600	45.266.500
Tổng thu nhập tính thuế	2.029.550.520	9.626.006.569
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	405.910.104	1.925.201.314
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào năm nay	-	(2.374.141.199)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>405.910.104</b>	<b>(448.939.885)</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	115.960.811	7.212.386.594
Các khoản điều chỉnh (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	(11.596.081)	(348.098.988)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	104.364.730	6.864.287.606
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>21</b>	<b>1.373</b>

**Ghi chú:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính trên cơ sở trích tạm quỹ khen thưởng phúc lợi 10% của lợi nhuận sau thuế và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do trong năm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.624.805.998	64.670.688.009
Chi phí nhân công	59.996.258.508	62.665.207.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.585.264.898	6.419.608.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.219.032.246	68.891.648.036
Chi phí khác bằng tiền	16.011.944.126	12.774.296.675
<b>Cộng</b>	<b>200.437.305.776</b>	<b>215.421.448.589</b>

3052  
C  
RÁCH N  
DỊCH  
I CHÍ  
VÀ K  
NA  
7 - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.569.216.406	2.580.134.808

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận phân theo khu vực kinh doanh gồm: Khu vực miền Nam và miền Trung; miền Bắc.

Năm 2017	Khu vực miền Nam và miền Trung	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>213.480.583.605</b>	<b>46.123.667.837</b>	<b>259.604.251.442</b>
<b>Giá vốn bộ phận</b>	<b>205.750.093.352</b>	<b>41.151.421.390</b>	<b>246.901.514.742</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>7.730.490.253</b>	<b>4.972.246.447</b>	<b>12.702.736.700</b>
Doanh thu tài chính	1.131.851.926	3.223.487	1.135.075.413
Chi phí tài chính	6.757.338.628	403.211.492	7.160.550.120
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	9.293.387.918	3.304.730.598	12.598.118.516
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(7.188.384.367)</b>	<b>1.267.527.844</b>	<b>(5.920.856.523)</b>
Thu nhập khác	7.439.111.864	-	7.439.111.864
Chi phí khác	1.198.304.325	16.496.920	1.214.801.245
Chi phí thuế TNDN hiện hành	97.203.918	308.706.186	405.910.104
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(163.056.819)	(55.360.000)	(218.416.819)
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>	<b>(881.723.927)</b>	<b>997.684.738</b>	<b>115.960.811</b>
<b>Vào ngày 31/12/2017</b>			
<b>Tài sản của bộ phận</b>			
Tài sản cố định	33.013.273.898	540.428.807	33.553.702.705
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	468.867.037	-	468.867.037
Các khoản phải thu	154.818.746.311	12.090.032.283	166.908.778.594
Hàng tồn kho	26.395.427.197	8.950.863.092	35.346.290.289
Tài sản chung	91.970.495.924	4.212.865.530	96.183.361.454
<b>Total tài sản</b>	<b>306.666.810.367</b>	<b>25.794.189.712</b>	<b>332.461.000.079</b>
<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>			
Các khoản phải trả	115.343.476.780	25.335.268.692	140.678.745.472
Phải trả tiền vay	111.343.343.778	1.600.000.000	112.943.343.778
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>226.686.820.558</b>	<b>26.935.268.692</b>	<b>253.622.089.250</b>

884-1  
CÔNG TY  
KHUY  
TỬ VÀ  
KẾ T  
TOÁN  
VIỆT  
HỒ C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm 2016	Khu vực miền Nam và miền Trung	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>195.380.508.650</b>	<b>42.033.153.910</b>	<b>237.413.662.560</b>
<b>Giá vốn bộ phận</b>	<b>188.438.340.275</b>	<b>39.023.705.600</b>	<b>227.462.045.875</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>6.942.168.375</b>	<b>3.009.448.310</b>	<b>9.951.616.685</b>
Doanh thu tài chính	814.509.248	37.043.141	851.552.389
Chi phí tài chính	5.210.569.207	167.612.922	5.378.182.129
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20.860.451.658	2.624.967.128	23.485.418.786
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(18.314.343.242)</b>	<b>253.911.401</b>	<b>(18.060.431.841)</b>
Thu nhập khác	30.015.792.464	57.287.475	30.073.079.939
Chi phí khác	2.828.510.731	46.549.459	2.875.060.190
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(448.939.885)	-	(448.939.885)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.374.141.199	-	2.374.141.199
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>	<b>6.947.737.177</b>	<b>264.649.417</b>	<b>7.212.386.594</b>
<b>Vào ngày 31/12/2016</b>			
<b>Tài sản của bộ phận</b>			
Tài sản cố định	33.885.487.276	478.191.110	34.363.678.386
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.604.980.326	-	1.604.980.326
Các khoản phải thu	127.388.585.719	8.808.778.467	136.197.364.186
Hàng tồn kho	45.652.405.946	27.164.825.749	72.817.231.695
Tài sản chung	75.852.551.182	1.172.790.902	77.025.342.084
<b>Total tài sản</b>	<b>284.384.010.449</b>	<b>37.624.586.228</b>	<b>322.008.596.677</b>
<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>			
Các khoản phải trả	123.592.365.481	35.406.590.162	158.998.955.643
Phải trả tiền vay	76.838.592.028	1.100.000.000	77.938.592.028
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>200.430.957.509</b>	<b>36.506.590.162</b>	<b>236.937.547.671</b>

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.695.888.001	13.913.359.261	33.695.888.001	13.913.359.261
Chứng khoán kinh doanh	59.130.181.200	59.045.817.100	59.771.422.600	59.045.817.100
Đầu tư góp vốn khác	-	650.000.000	-	650.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.062.801.311	121.967.661.955	148.062.801.311	121.967.661.955
<b>Cộng</b>	<b>240.888.870.512</b>	<b>195.576.838.316</b>	<b>241.530.111.912</b>	<b>195.576.838.316</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	112.943.343.778	77.938.592.028	112.943.343.778	77.938.592.028
Chi phí phải trả	1.092.084.097	2.851.042.231	1.092.084.097	2.851.042.231
Phải trả người bán	25.307.277.499	22.095.664.115	25.307.277.499	22.095.664.115
Dự phòng phải trả	431.051.143	7.942.776.867	431.051.143	7.942.776.867
Phải trả khác	8.169.191.199	7.806.384.414	8.169.191.199	7.806.384.414
<b>Cộng</b>	<b>147.942.947.716</b>	<b>118.634.459.655</b>	<b>147.942.947.716</b>	<b>118.634.459.655</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>129.076.807.078</b>	<b>18.866.140.638</b>	<b>147.942.947.716</b>
Các khoản vay	94.077.203.140	18.866.140.638	112.943.343.778
Chi phí phải trả	1.092.084.097	-	1.092.084.097
Phải trả người bán	25.307.277.499	-	25.307.277.499
Dự phòng phải trả	431.051.143	-	431.051.143
Phải trả khác	8.169.191.199	-	8.169.191.199
<b>Số đầu năm</b>	<b>105.287.456.885</b>	<b>13.347.002.770</b>	<b>118.634.459.655</b>
Các khoản vay	64.591.589.258	13.347.002.770	77.938.592.028
Chi phí phải trả	2.851.042.231	-	2.851.042.231
Phải trả người bán	22.095.664.115	-	22.095.664.115
Dự phòng phải trả	7.942.776.867	-	7.942.776.867
Phải trả khác	7.806.384.414	-	7.806.384.414

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

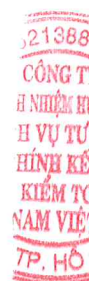
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**Người lập biểu**



**Nguyễn Hồng Tuyền**

Ngày 09 tháng 03 năm 2018

**Kế toán trưởng**



**Hoàng Trần Như Quỳnh**

**Giám đốc**



**Nguyễn Sum**

